

Bản án số: /2021/HS - ST
Ngày 29/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S - TỈNH L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Thắng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Minh Huân;

2. Ông Đỗ Trọng Bằng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến D – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh L;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S tham gia phiên tòa: Bà Lò Kim Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại Nhà văn hóa tổ 2, phường S, thị xã S, tỉnh L. Tòa án nhân dân thị xã S xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2021. Đối với các bị cáo:

1. Sùng A G; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16/10/1999, tại thị xã S, tỉnh L; Nơi cư trú: Thôn V, xã M, thị xã S, tỉnh L; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: H.Mông; Giới tính: Nam; Tôn G: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố là: Sùng A D (đã chết); Mẹ là: Lý Thị P (đã chết); Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có ba chị em; Bị cáo chưa có vợ, chưa có con; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/10/2021 đến ngày 29/10/2021. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 29/10/2021 đến hết ngày 29/12/2021; Tiền án, tiền sự: Không; Có mặt tại phiên tòa.

2. Sùng A P; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 04/4/1987, tại thị xã S, tỉnh L; Nơi cư trú: Thôn Vạn Dền Sứ 1, xã M, thị xã S, tỉnh L; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: H.Mông; Giới tính: Nam; Tôn G: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố là: Sùng A P (đã chết); Mẹ là: Vàng Thị K (đã chết); Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ là: Châu Thị D - Đã ly hôn. Bị cáo có 01 con sinh năm 2008, hiện ở cùng với mẹ; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện ma túy, có 01 tiền sự. Từ tháng 11/2009 đến 11/2010, Sùng A P cai nghiện ma túy tập chung tại cơ sở cai nghiện ma túy thành phố L, đến nay đã được xóa tiền sự. Bị cáo Sùng A P bị tạm giữ từ ngày 21/10/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã S đến ngày 19/12/2021. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Đỗ Thị Thu Ba – Trợ giúp viên thuộc T tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L;

Bị hại: Công ty TNHH MTV Thủy điện S – Địa chỉ: Thôn L, xã Bản Hồ, thị xã S, tỉnh L; Người đại diện theo ủy quyền của công ty là: Ông Dương Thọ T – Địa chỉ: Thôn Lạc T, xã D Liệt, huyện Y, tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: 1. Anh Phan Đào V – Sinh năm 1966; Nơi cư trú: Thôn Tả T Hồ, xã Bản Hồ, thị xã S, tỉnh L; 2. Anh Giàng A C – Sinh năm 1999; Nơi cư trú: Thôn Vạn Dền Sứ 1, xã M, thị xã S, tỉnh L; Đều vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án V diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 20/10/2021, Sùng A G rủ Sùng A P đi trộm cắp dây cáp điện, chôn dưới đất ở K vực đèn chiếu sáng trên đường đi Vo Nhà máy Thủy điện Nậm Toóng, thuộc Công ty TNHH MTV thủy điện S, để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân; P đồng ý. Khoảng 18 giờ cùng ngày, P đưa cho Sùng A G 50.000 đồng để mua lưới cưa làm công cụ để cắt trộm dây cáp điện. G đã mua 01 cưa sắt, 01 xà cày, rồi về nhà chuẩn bị thêm 01 con dao, 01 thanh sắt xoắn có một đầu nhọn. Sau khi chuẩn bị xong toàn bộ công cụ để thực hiện tội phạm, G để những đồ vật trên lên xe mô tô BKS 21F2-7123 rồi đi đến K vực đường lên thủy điện Nậm Toóng, còn P cũng mang theo 01 con dao, rồi điều khiển xe mô tô Espero màu đen, lắp BKS số 24B1-308.34 đi theo sau.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, cả hai đi đến đoạn đường Vo nhà máy thủy điện Nậm Toóng. G chọn K vực không có nhà dân V ít người qua lại rồi dừng xe ở bãi đất trống trong bụi cây. P cũng dừng xe, hai xe đỗ cách nhau khoảng 50 mét. G cầm theo các dụng cụ chuẩn bị từ trước, đi đến đưa cho P 01 chiếc xà cày V nói “em đào đoạn này, anh đào đoạn dưới”. P đồng ý rồi cầm xà cày đi về hướng cột điện TBA Bản Hồ số 11, đào theo hướng cột điện TBA Bản Hồ số 10. G cầm các công cụ còn lại đi đến K vực chân cột điện TBA Bản Hồ số 12, dùng thanh sắt có một đầu nhọn đào một hố ở chân cột điện theo hướng cột điện TBA Bản Hồ số 11 thì phát hiện một ống gen màu Vng cam. G dùng dao mang theo cắt vỏ ngoài ống gen để lộ ra bên trong có một dây cáp màu đen V một dây cáp đồng trần. G dùng cưa cắt cả hai đoạn dây cáp này. Tiếp đó, Sùng A G đào một hố khác ở vị trí giữa cột điện TBA Bản Hồ số 12 V số 11 để tìm đoạn dây cáp

nổi giữa hai cột. Sau khi tìm được, G thực hiện việc cắt vỏ ống gen V dây cáp bên trong như trước rồi dùng tay kéo đoạn dây cáp bên trong ra K vực ruộng ở phía bên kia đường, rồi tiếp tục đào thêm một hố ở sát chân cột điện TBA Bản Hồ số 11 hướng về chân cột TBA Bản Hồ số 12. Trong lúc này, Sùng A P cũng đào được một hố ở chân cột điện TBA Bản Hồ số 11 V một hố ở đoạn giữa hai cột điện TBA Bản Hồ số 11 V số 10, P dùng dao mang theo cắt vỏ ống gen màu Vng cam thì thấy bên trong có hai loại dây cáp như trên. P đi đến chỗ G lấy cưa rồi mang về cắt các đoạn dây cáp trong hai hố đã đào, rồi kéo dây cáp cắt được ra K vực ruộng bên kia đường. Tiếp đó, P đào thêm một hố ở giữa hai cột điện số 11 V số 10 rồi dùng dao, cưa cắt V kéo đoạn dây cáp thứ hai ra ruộng. Khi P đang đào hố thứ ba, ở sát chân cột điện TBA Bản Hồ số 10 để lấy đoạn cáp còn lại thì G đến lấy cưa. Sùng A G lấy dao, cưa cắt dây cáp bên trong V kéo dây cáp ra nhưng không kéo được. G nghĩ do mình không đủ sức nên cầm cưa đi đến chỗ P, để cưa lại V nhờ P kéo dây cùng mình. G V P cùng kéo được đoạn dây cáp nói trên ra K vực ruộng bên kia đường, G ở lại dùng dao tách lớp vỏ nhựa bên ngoài của dây cáp điện để lấy lõi đồng, còn P quay về K vực chân cột điện TBA Bản Hồ số 10 tiếp tục đào V cắt đoạn dây cáp thứ ba. Sau khi cắt xong, P gọi G rồi cả hai cùng kéo đoạn dây cáp này ra K vực ruộng để tách vỏ nhựa. Khi đang tách dây thì Sùng A G phát hiện anh Phan Đào V (sinh năm 1966, trú tại thôn Tả T Hồ, xã Bản Hồ, thị xã S) đi đến nên cả hai để lại toàn bộ tang vật V bỏ chạy. Đến sáng ngày 21/10/2021, Sùng A G V Sùng A P biết hành vi phạm tội của mình đã bị phát hiện nên ra đầu thú V giao nộp xe mô tô nhãn hiệu Espero màu đen, lắp biển kiểm soát số 24B1-308.34 là tang vật của vụ án.

Tại Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐG, ngày 27/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã S kết luận về giá trị còn lại của 05 (năm) đoạn dây điện cáp ngầm có tổng chiều dài là 83m, ký hiệu Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x35+1x25mm² V 05 (năm) đoạn dây điện cáp đồng trần 10M có tổng chiều dài là 83m như sau "*Tổng giá trị còn lại của tang vật được trưng cầu định giá là: 15.082.259 đồng + 894.020 đồng = 15.976.279 đồng*".

Về thiệt hại đối với toàn bộ công trình điện chiếu sáng đường đi Vo Nhà máy Thủy điện Nậm Toóng, đại diện Công ty TNHH MTV thủy điện S xác định công trình đã hư hỏng không thể vận hành từ cuối năm 2019 nên không xem xét thiệt hại của hành vi phạm tội đối với toàn bộ công trình.

Tại Cơ quan điều tra, Sùng A G V Sùng A P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, động cơ, mục đích khi thực hiện tội phạm

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 30/11/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã S truy tố bị cáo Sùng A G V Sùng A P về tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm V hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo V đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Sùng A G V Sùng A P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều h, i, s khoản 1 V khoản 2 Điều 51; Điều 17 V Điều 58 V Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Sùng A G từ 09 đến 12 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Khấu trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Sùng A P từ 06 đến 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo 21/10/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải liên đới bồi T số tiền 16.000.0000 đồng cho bị hại Công ty TNHH MTV thủy điện S.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên án phí, xử lý vật chứng V quyền kháng cáo đối với bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

Người báo chữa cho bị cáo: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát V tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Về mức hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt bị cáo Sùng A G 08 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Sùng A P 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã S đã truy tố đối với các bị cáo, các bị cáo không bổ sung gì Vo lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ Vo các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra V tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Sùng A G V Sùng A P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ khác như: Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Bản ảnh hiện trường; Biên bản V kết luận định giá tài sản; Bản tự khai, biên bản ghi lời khai của các bị cáo; Biên bản ghi lời khai của người đại diện theo ủy quyền của người bị hại V người làm chứng; Bản kết luận điều tra số 06 ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã S. Bản cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 30/8/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã S, tỉnh L, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Ngày 20/10/2021 bị cáo Sùng A G đã có hành vi rủ Sùng A P trộm cắp các tài sản gồm 83 mét dây cáp điện ngầm loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC x 35 + 1 x 25mm² V 83 mét dây điện cáp đồng trần 10M, có tổng giá trị còn lại theo kết luận định giá là 15.976.279 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S truy tố các bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có sự hiểu biết về xã hội cũng như pháp luật của nhà nước. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi "*Trộm cắp tài sản*" là vi phạm pháp luật, song chỉ vì động cơ vụ lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu sài cho bản thân nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần phải xử lý bị cáo nghiêm khắc trước pháp luật.

[3] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm nhưng có tính chất giản đơn. Bị cáo Sùng A G là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ thực hiện tội phạm V là người tích cực thực hiện tội phạm nên phải chịu trách nhiệm với vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo Sùng A P là người tham gia chuẩn bị công cụ thực hiện tội phạm V là người thực hành tích cực hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm với vai trò thứ hai trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo. Các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nhận thức được hành vi sai trái của mình, các bị cáo đã chủ động đến cơ quan công an để đầu thú về hành vi phạm tội, người đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 V khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy đối với bị cáo Sùng A G V Sùng A P đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên bị cáo Sùng A G là người khởi xướng V là người thực hiện tích cực hành vi trộm cắp tài sản; Bị cáo Sùng A P là người có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện ma túy nên cần có một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo đã thực hiện. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo V đề nghị của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn để trừng trị, đồng thời tạo điều kiện để cải tạo, G dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện, có ích cho gia đình V xã hội.

Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, tỉnh L về hình phạt, mức án là phù hợp với tích chất mức độ V hành vi phạm tội của bị cáo nên cần chấp nhận.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Sùng A P là nhẹ, chưa tương xứng với tích chất mức độ V hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*". Song xét thấy điều kiện kinh tế của gia đình bị cáo khó khăn V không có tài sản riêng gì, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo ủy quyền của bị hại đề nghị các bị cáo phải bồi T số tiền 16.000.0000 đồng. Xét thấy, yêu cầu bồi T của người đại diện theo ủy quyền của người bị hại là phù hợp với thực tế. Các bị cáo đều nhất trí với đề nghị của người bị hại, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi T cho người bị hại số tiền 16.000.000 đồng.

[8] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 02 xe mô tô là tài sản riêng của các bị cáo Sùng A G V Sùng A P, tuy nhiên các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 đôi dép nhựa; 01 thanh kim loại dài 59 cm, 01 xà cày bằng kim loại có chiều dài 62 cm là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng, các bị cáo sử dụng Vo việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo Sùng A G V Sùng A P phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm V án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự V Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sùng A G V Sùng A P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2] Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1 V khoản 2 Điều 51; Điều 17 V Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Sùng A G 09 (Chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Khấu trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/10/2021 đến ngày 29/10/2021.

Xử phạt bị cáo Sùng A P 07 (Bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo 21/10/2021.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 V Điều 591 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Sùng A G V Sùng A P phải liên đới bồi T cho Công ty TNHH MTV Thủy điện S số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng). Trong đó phần của mỗi bị cáo là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian V số tiền chậm trả, theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 V Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Espero màu đen có số Kng 106910, số máy 106910, không có biển kiểm soát của Sùng A P;

- 01 xe mô tô BKS 21F2-7123, số Kng H3ND91M05481, số máy FMHTA*005481 của Sùng A G;

Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi dép nhựa màu tím than; 01 thanh kim loại dài 59 cm, đường kính 1,4 cm; 01 xà cày bằng kim loại có chiều dài 62 cm, đường kính 1,8 cm.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 nghị quyết 326/2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí V lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Sùng A G V Sùng A P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. V mỗi bị cáo phải chịu 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b,

9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND thị xã SP 1.
- Công an thị xã S;
- PV 06 Công an tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Bị cáo 2;
- Bị hại 1;
- THADS thị xã S;
- Lưu Hồ sơ HS, HSTHA, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Vũ Minh Huấn

Đỗ Trọng Bằng

Nguyễn Mạnh Thắng